

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13-3- 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Diễm H, sinh năm 1993 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Trần Quốc Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 6, KP. 3, TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn chị Trương Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Diễm H và anh Lê Trần Quốc Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C vào năm 2012 theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại xã Minh Lập được một thời gian thì chuyển về sống tại thị trấn Chơn Thành cho đến nay. Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ thường hay ăn chơi cờ bạc, rượu chè không lo làm ăn, chị H nhắc nhở thì vợ chồng cãi vã, xung đột, tình cảm vợ chồng căng thẳng và không thể sống chung được với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay. Thời gian gần đây anh Đ đánh đập chị H nên

chị phải nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 02 chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/02/2011 và Lê Kim N sinh ngày 30/12/2013. Khi ly hôn chị H yêu cầu giao cả 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 10/11/2017 chị H có đơn rút yêu cầu về phần con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu tòa giải quyết

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của anh Đ

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh Đ vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2018 nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến..

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy chị Trương Thị Diễm H và anh Lê Trần Quốc Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân giữa chị H và anh Đ không hòa hợp, tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, chứng cứ có trong hồ sơ đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh chị Trương Thị Diễm H được ly hôn với anh Lê Trần Quốc Đ

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Đ có 02 chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/02/2011 và Lê Kim N sinh ngày 30/12/2013. Chị H yêu cầu giao cả 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con với số tiền

1.500.000 đồng/ tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi nhưng vào ngày 10/11/2017 chị H có đơn rút đơn yêu cầu tòa án giải quyết về con chung, việc rút đơn của chị H là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Trương Thị Diễm H Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và bị đơn anh Lê Trần Quốc Đ có nơi cư trú tại tổ 6, khu phố 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Lê Trần Quốc Đ nhưng do anh Đ đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Diễm H, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Diễm H và anh Lê Trần Quốc Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H cho rằng thời gian đầu thì vợ chồng vui vẻ hạnh phúc nhưng từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông Đ bài bạc, rượu chè về nhà thì cả vợ xung đột nhiều lần chị H khuyên ngăn nhưng không được. Chính điều này làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng, không thể chung sống được với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Lời trình bày của chị H cũng phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Đ.

{2.2} Về nuôi con chung: Hội đồng xét thấy chị H và anh Đ có 02 chung tên là Lê Kim T, sinh ngày 14/02/2011 và Lê Kim N ngày 30/12/2013. Chị H yêu cầu giao cả hai con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/02 con cho khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 10/11/2017 chị H có đơn rút yêu cầu về con chung không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung. Xét yêu cầu rút đơn của chị H là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng chấp nhận.

{2.3} Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

{3}Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị Diễm H phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Trương Thị Diễm H được ly hôn với anh Lê Trần Quốc Đ

2. *Về nuôi con chung:* Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H về phần nuôi con chung.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Trương Thị Diễm H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008929 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

